

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HSST

Ngày 31/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến

Bà Đặng Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân tham gia phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Như
- Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 2001, tại: huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Cha: Trần Văn T1 – Sinh năm 1974; Mẹ: Lê Thị Xuân T2 – Sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2023 đến ngày 03/02/2024, tại xã X, huyện D. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Trần Văn N (Đã chết)

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện D, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/8/2023, Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển số 78K1-xxx.xx lưu hành theo hướng xã X – xã C, huyện D, khi đến Km06+830 tuyến đường ĐT647 thuộc thôn E, xã X, huyện D thì T điều khiển xe không chú ý quan sát, lấn sang phần đường bên trái chiều đi của mình và tung vào xe mô tô biển số 78K1-yyy.yy do Nguyễn Văn N điều khiển chở sau Huỳnh Văn B lưu hành theo hướng ngược chiều. Hậu quả Nguyễn Văn N, Huỳnh Văn B và Trần Văn T bị thương cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên, xe mô tô biển số 78K1-yyy.yy bị hư hỏng. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn N chết.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 197/KLGĐTT-PYPY ngày 11/9/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Nguyên nhân chết của Nguyễn Văn N là do Gãy đốt sống cổ C3 và C4/Đa chấn thương không hồi phục; Nồng độ cồn: 39,11 mg/100ml.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐGTTTHS ngày 29/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của xe mô tô biển số 78K1-yyy.yy là 2.795.000 đồng. Kết quả kiểm tra nồng độ cồn của Trần Văn T vào ngày 17/8/2023 là 0,000mg/l; Kết quả kiểm tra ma túy bằng phương pháp thử nước bọt đối với Trần Văn T vào ngày 17/8/2023: Âm tính với ma túy.

Vật chứng vụ án: Có bản thống kê vật chứng kèm theo.

Tại bản cáo trạng số:02/CT-VKS-ĐX ngày 04/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét:

* Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Giao bị cáo cho UBND xã X giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Nếu trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo có thể bị buộc chấp hành hình phạt tù theo quy định tại điều 65 BLHS.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX:

- **Trả cho Trần Văn T:** 01 xe mô tô biển số 78K1-xxx.xx của Trần Văn T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 78K1-xxx.xx; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Văn T; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn T.

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 số mảnh vỡ nhựa, kim loại màu trắng, xám, đen.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận xong nên đề nghị không xem xét xử lý.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận phù hợp với nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các vật chứng thu giữ được; phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà VKSND huyện D đã truy tố. Vì vậy, HĐXX đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/8/2023, Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển số 78K1-xxx.xx lưu hành theo hướng xã X – xã C, huyện D, khi đến Km06+830 tuyến đường ĐT647 thuộc thôn E, xã X, huyện D thì không chú ý quan sát, lấn sang phần đường bên trái chiều đi của mình và tung vào xe mô tô biển số 78K1-yyy.yy do Trần Văn N điều khiển chở sau Huỳnh Văn B lưu hành theo hướng ngược chiều làm Năm chết khi được cấp cứu tại bệnh viện.

Như vậy hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số: 02/CT-VKS-ĐX ngày 04/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hậu quả, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội tại địa phương, nên cần xử phạt mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại và được đại diện hợp pháp của bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội; có ông ngoại được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba và Kỷ niệm chương Chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng Điều 65 BLHS, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người công dân tốt cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận về mức bồi thường. Không ai yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- **Trả cho Trần Văn T:** 01 xe mô tô biển số 78K1-xxx.xx của Trần Văn T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 78K1-xxx.xx; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Văn T; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn T.

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 số mảnh vỡ nhựa, kim loại màu trắng, xám, đen.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HS-ST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Xử phạt: Trần Văn T 01(Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã X giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Nếu trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo có thể bị buộc chấp hành hình phạt tù theo quy định tại điều 65 BLHS.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

- **Trả cho Trần Văn T:** 01 (một) xe mô tô biển số 78K1-xxx.xx của Trần Văn T; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 78K1-xxx.xx; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Văn T; 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn T.

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 số mảnh vỡ nhựa, kim loại màu trắng, xám, đen.

(Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện D và Chi cục THADS huyện D).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện DX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện DX;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã X;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Trung